

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8210 /CTHN-TTHT  
V/v kê khai, nộp thuế đối với thu nhập  
nhận được từ cung cấp dịch vụ trực tuyến  
của cá nhân

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ông Phạm Khắc Hòa  
(Địa chỉ: P805 N6 Chung cư Đồng Tàu, P. Thịnh Liệt,  
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội  
MST: 8354704262)

Trả lời văn bản không số ngày 22/02/2022 của Ông Phạm Khắc Hòa vướng mắc về kê khai, nộp thuế đối với thu nhập nhận được từ cung cấp dịch vụ trực tuyến, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH11:

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;

b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”

- Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 (hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2021) hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

+ Tại tiết đ khoản 1 Điều 2 quy định đối tượng áp dụng của Thông tư:

“1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, bao gồm cả một số trường hợp sau: ...

đ) Hoạt động thương mại điện tử, bao gồm cả trường hợp cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.”

+ Tại khoản 12 Điều 3 giải thích từ ngữ sau:

“12. “Sản phẩm nội dung thông tin số” là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn



thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).”

+ Tại khoản 1 Điều 5 quy định về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai:

“1. Phương pháp kê khai áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn; và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.”

+ Tại khoản 2 Điều 6 quy định về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh:

“2. Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh bao gồm:

... d) Cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số nếu không lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.”

+ Tại Phụ lục I Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN hướng dẫn xác định theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

STT	Danh mục ngành nghề	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Thuế suất thuế TNCN
2.	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu		
	... - Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; quảng cáo trên sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số	5%	2%

- Căn cứ Điều 31 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam, hướng dẫn như sau:

“ Điều 31. Xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Theo quy định tại Hiệp định, một cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam có thu nhập từ hoạt động làm công tại Việt Nam sẽ phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập làm công đó tại Việt Nam theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam.

2. Nếu cá nhân nêu tại Khoản 1 đồng thời thỏa mãn cả 3 điều kiện sau đây, tiền công thu được từ công việc thực hiện tại Việt Nam sẽ được miễn thuế thu nhập tại Việt Nam:

a) Cá nhân đó có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong giai đoạn 12 tháng bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế; và

b) Chủ lao động không phải là đối tượng cư trú của Việt Nam bất kể tiền công đó được trả trực tiếp bởi chủ lao động hoặc thông qua một đối tượng đại diện cho chủ lao động; và

c) Tiền công đó không do một cơ sở thường trú mà chủ lao động có tại Việt Nam chịu và phải trả...”

- Căn cứ Điều 16 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn:

“Điều 16. Khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân

7. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài

a) Nguyên tắc khai thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài thực hiện khai thuế theo từng lần phát sinh, riêng cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại nước ngoài khai thuế theo quý.

...

8. Khai thuế đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài

a) Nguyên tắc khai thuế

a.1) Cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài khai thuế theo lần phát sinh. Riêng cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận tại nước ngoài khai thuế theo quý.

...

13. Trường hợp cá nhân nước ngoài có thu nhập chịu thuế thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện các thủ tục sau:...”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

- Trường hợp cá nhân có tổng doanh thu từ kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì không phải kê khai nộp thuế GTGT và thuế TNCN.

- Trường hợp cá nhân có tổng doanh thu từ kinh doanh trong năm dương lịch trên 100 triệu đồng/năm thì thực hiện khai thuế, nộp thuế theo từng lần phát sinh theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 40/2021/TT0-BTC của Bộ Tài



chính. Về tỷ lệ tính thuế trên doanh thu áp dụng đối với thuế TNCN là 2%, thuế GTGT là 5% theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

- Trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức có hiệu lực và cá nhân đủ điều kiện miễn thuế TNCN theo quy định tại Điều 31 Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính thì chuyên gia nước ngoài phải lập hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại khoản 13 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC nêu trên.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> để được hỗ trợ giải quyết

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Ông Phạm Khắc Hòa được biết và thực hiện

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng NVDTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (5;3)



Nguyễn Tiên Trường

